



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP PHÚ SƠN
PHU SON INDUSTRIAL TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

CATALOGUE

ROOF - SANDWICH PANEL - PU - PIR
GLASSWOOL - ROCKWOOL - EPS - XPS



Website:
www.panelphuson.vn
www.javta.vn



Tel: 0243.562.5971
Fax: 0243.562.5972



Lô7 CN5, CCN Ngọc Hồi
X.Ngọc Hồi, H. Thanh Trì
TP. Hà Nội



TẤM LỢP - PANEL
CHỐNG CHÁY LAN, CHỐNG NÓNG
CHỐNG ÒN, CHỐNG DỘT TUYỆT ĐỐI

PU/PIR

GLASSWOOL - ROCKWOOL - EPS



Kính gửi Quý khách hàng

Lời đầu tiên, Công ty TNHH Công nghệ Công nghiệp Phú Sơn xin gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe và thành công.

Công ty chúng tôi sản xuất “Panel, Tấm lợp và Tấm cách nhiệt” mang thương hiệu JAVTA, INNOVA, SUMO. Sản phẩm đã cung cấp ra thị trường được sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu trên dây chuyền nhập khẩu tiên tiến, hiện đại và đồng bộ.

Sản phẩm thương hiệu JAVTA gồm:

- **Panel PU, PIR, Glasswool, Rockwool, EPS tường trong Javta**
- **Panel PU, PIR, Glasswool, Rockwool, EPS tường ngoài Javta**
- **Tấm cách nhiệt Javta**
- **Tấm lợp PU 2 sóng KLipLock Javta**
- **Tấm lợp PU, PUR, Glasswool, Rockwool, EPS 5 sóng Javta**
- **Tấm lợp SeamLock Javta**
- **Phụ kiện tôn lợp - Phụ kiện Panel PU**

Hàng năm chúng tôi luôn luôn sáng tạo nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có các tính năng ưu việt hơn các sản phẩm truyền thống. Nhằm đáp ứng được tất cả các khách hàng, từ khách hàng trong nước đến khách hàng có yêu cầu cao như khách hàng nước ngoài.

Đặc biệt nhằm khắc phục tuyệt đối yếu tố dột chân vít và khả năng chống tràn sóng cao của tấm lợp, chúng tôi đưa ra thị trường sản phẩm mới Klip lock JAVTA với phương châm “Giải pháp tiên phong, hiệu quả hàng đầu” mà trên thị trường không có sản phẩm tương tự.

Xác định nhu cầu thị trường, những năm qua chúng tôi đã cho ra thị trường sản phẩm Panel PU, PIR, EPS, Glasswool, Rockwool JAVTA tường trong, tường ngoài với cấu tạo chắc chắn, chống cháy lan, thẩm mỹ cao, dễ dàng vận chuyển, thi công nhanh, tiết kiệm được nhiều chi phí cho chủ đầu tư.

Với lớp tôn nền được cán thép theo công nghệ mạ kẽm nhúng nóng sơn phủ màu với các màu sắc phong phú. Lớp PU (Polyurethane), PIR (Polyisocyanurate) là vật liệu cách âm, cách nhiệt tối ưu có khả năng kháng cháy cao, có độ bền vững và không phát tán trong không khí, không gây ô nhiễm môi trường. Lớp PVC/PP/Alufim làm trần có tính thẩm mỹ cao được phun ép kết dính bằng nhiệt tạo ra sản phẩm cách âm, cách nhiệt hàng đầu Việt Nam.

Từ năm 2004, sản phẩm JAVTA đã được đưa ra thị trường và sử dụng cho hàng ngàn công trình lớn nhỏ, từ các công trình công nghiệp cũng như công trình dân dụng thông qua hệ thống phân phối và hàng trăm đại lý tại khắp mọi miền đất nước.

Chúng tôi cam kết sản phẩm với thương hiệu JAVTA mang đến cho khách hàng sự hài lòng tối đa về chất lượng sản phẩm với giá thành hợp lý nhất.

Trân trọng!

Tâm nhìn/ Vision



Trở thành Tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các sản phẩm vật liệu xây dựng thông qua chiến lược phát triển bền vững dựa trên chuỗi 5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi: Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, hệ thống phân phối - bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, thương hiệu hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Becoming a leading economic group in manufacturing and distributing building materials products in Vietnam and in the region with a sustainable development strategy that focuses on five core competitive advantages: vertically integrated value chain; distribution-retail network; strong, community-oriented brand; unique governance system and corporate culture as well as pioneering in technological innovation investment in order to maximize added value for shareholders, employees and society

Sứ mệnh/ Mission



Cung cấp những sản phẩm thương hiệu JAVTA với chất lượng quốc tế, giá cả hợp lý và mẫu mã đa dạng nhằm thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đất nước và phát triển cộng đồng.

Providing products with international quality, reasonable prices and diverse designs under the JAVTA brand in order to meet customers' needs and contribute to changing the country's architectural landscape and developing the community.

Giá trị cốt lõi/ Core Values

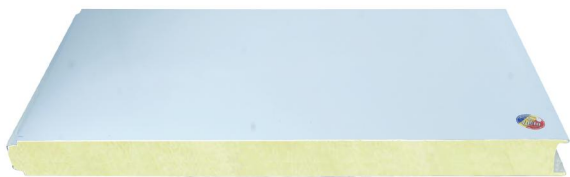


Trung thực - Cộng đồng - Phát triển

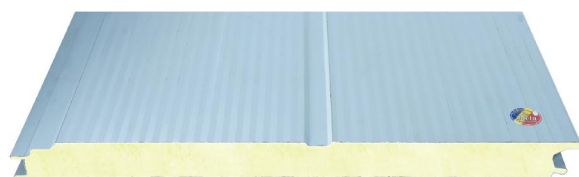
Integrity - Community - Development



PANEL PUR, PIR JAVTA



PANEL PUR/PIR - TƯỜNG TRONG

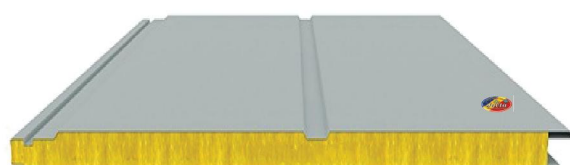


PANEL PUR/PIR - TƯỜNG NGOÀI

PANEL GLASSWOOL, ROCKWOOL JAVTA



PANEL GALSSWOOL/ROCKWOOL - TƯỜNG TRONG



PANEL GALSSWOOL/ROCKWOOL - TƯỜNG NGOÀI

PANEL EPS JAVTA

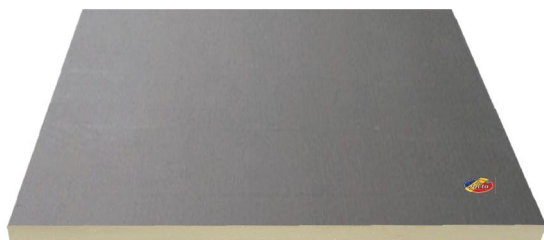


PANEL EPS - TƯỜNG TRONG



PANEL EPS - TƯỜNG NGOÀI

TẤM CÁCH NHIỆT JAVTA



TẤM CÁCH NHIỆT JAVTA - MODEL: PU/PIR CEMENT

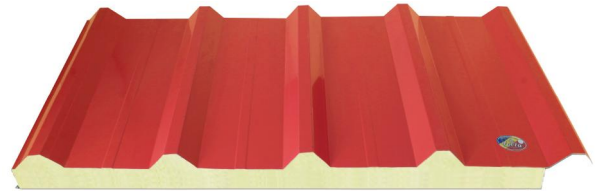


TẤM CÁCH NHIỆT JAVTA - MODEL: PU/PIR ALUFIM

TẤM LỢP PU, PIR JAVTA

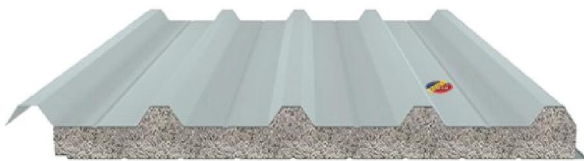


TẤM LỢP PU 2 SÓNG KLIPLOCK JAVTA

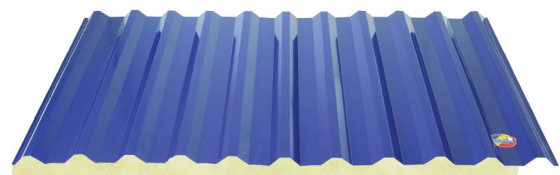


TẤM LỢP PU 5 SÓNG JAVTA

TẤM LỢP PU, EPS - JAVTA



TẤM LỢP EPS 5 SÓNG JAVTA



TẤM LỢP PU 11 SÓNG JAVTA

TẤM LỢP SEAMLOCK JAVTA

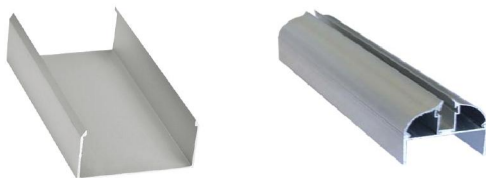


TẤM LỢP SEAMLOCK KHỔ 500MM JAVTA

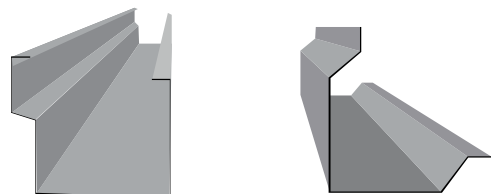


TẤM LỢP SEAMLOCK KHỔ 1000MM JAVTA

PHỤ KIỆN PANEL - TẤM LỢP

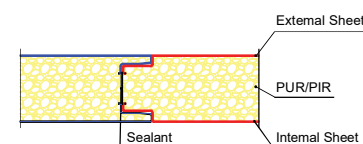
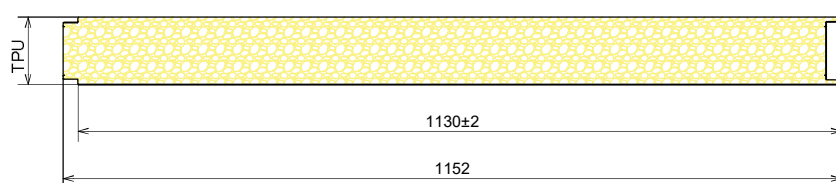
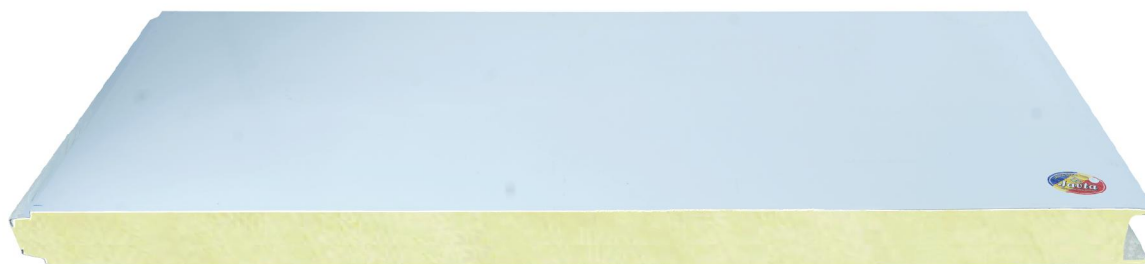


PHỤ KIỆN PANEL



PHỤ KIỆN TẤM LỢP

PANEL TƯỜNG TRONG (PUR/PIR)



Wall Panel "Standard Joint"
Thickness PU: 50/75/100/125/150/200



Màu đỏ
Red



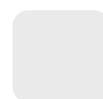
Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise



Trắng sữa
White



Vàng kem
Ivory



Vân gỗ
Wood grain

THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

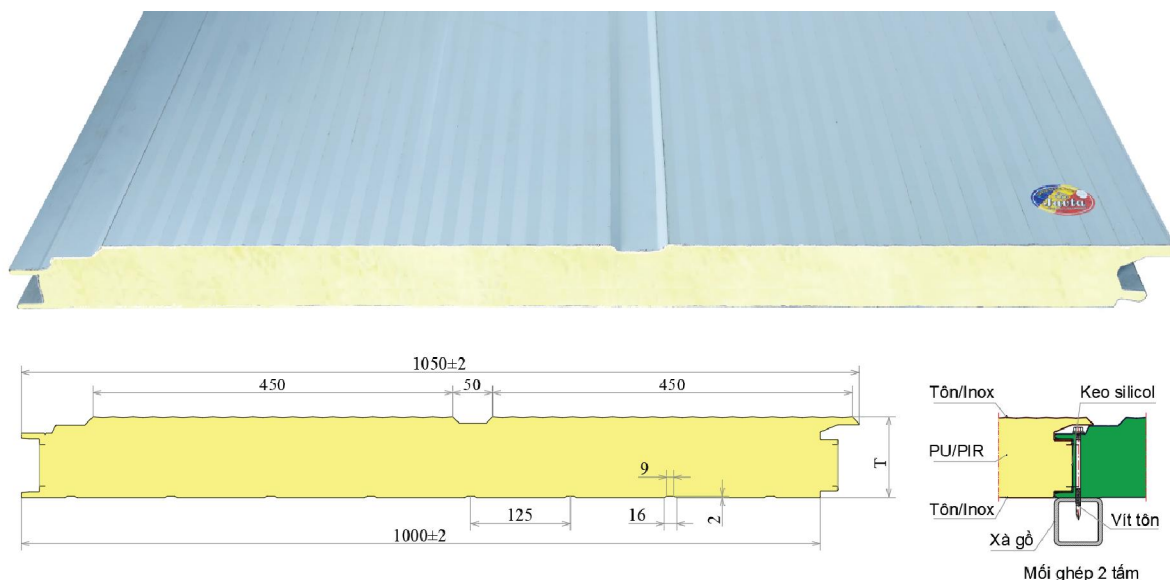
Phân loại	Thông số kỹ thuật
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80mm
Cách nhiệt bên trong	PU/PIR
Tỉ trọng (kg/m ³)	PU: 40± 3 / PIR: 45± 3
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.130/1.152
Độ dày PU (mm)	40, 50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000

Division	Specification
Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Alufim 0.40 ~ 0.80mm
Interior material	PU/PIR
Overall Density (kg/m ³)	PU: 40± 3 / PIR: 45± 3
W (mm)	1.130/1.152
D PU (mm)	40, 50, 75, 100, 125, 150, 200
L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG NGOÀI (PUR/PIR)



Màu đỏ
Red



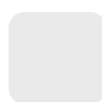
Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise



Trắng sữa
White



Vàng kem
Ivory



Vân gỗ
wood grain

THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

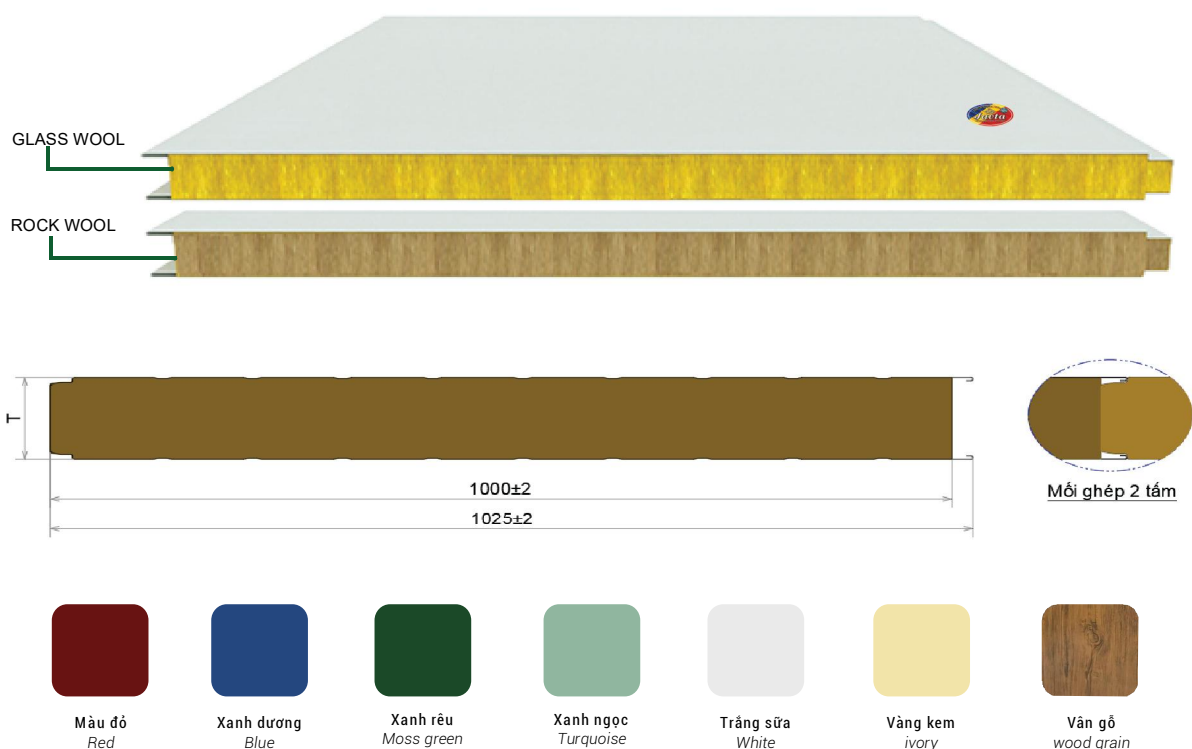
Phân loại	Thông số kỹ thuật
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm 0.40 ~ 0.80mm
Cách nhiệt bên trong	PUR/PIR
Tỉ trọng (kg/m³)	PU 40± 3 / PIR 45± 3
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000/1.050
Độ dày PU (mm)	50, 75, 100
Chiều dài tối đa (mm)	18.000

Division	Specification
Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum 0.40 ~ 0.80mm
Interior material	PUR/PIR
Overall Density (kg/m³)	PU 40± 3 / PIR 45± 3
W (mm)	1.000/1.050
D PU (mm)	50, 75, 100
L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG TRONG (GLASSWOOL/ROCKWOOL)



THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Alufim 0.40 ~ 0.80mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Bông sợi thủy tinh/Bông khoáng	Interior material	Glasswool/Rockwool
Tỉ trọng (kg/m³)	Glasswool 48÷64 / Rockwool: ≥90	Overall Density (kg/m³)	Glasswool 48÷64 / Rockwool: ≥90
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000/1.025	W (mm)	1.000/1.025
Độ dày (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D PU (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L Max (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG NGOÀI (GLASSWOOL/ROCKWOOL)



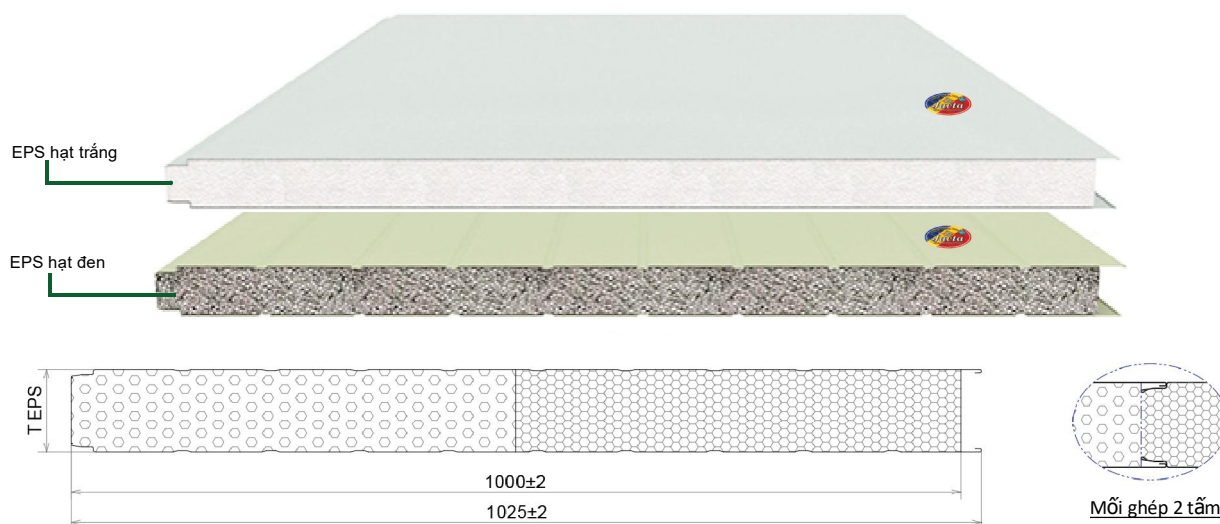
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phân hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Alufim 0.40 ~ 0.80mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Bông sợi thủy tinh/Bông khoáng	Interior material	Glasswool/Rockwool
Tỉ trọng (kg/m ³)	Glasswool 48÷64 / Rockwool: ≥90	Overall Density (kg/m ³)	Glasswool 48÷64 / Rockwool: ≥90
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000/1.045	W (mm)	1.000/1.045
Độ dày (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D PU (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L Max (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG TRONG EPS - TRẦN EPS



Màu đỏ
Red



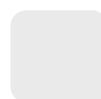
Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise



Trắng sữa
White



Vàng kem
Ivory

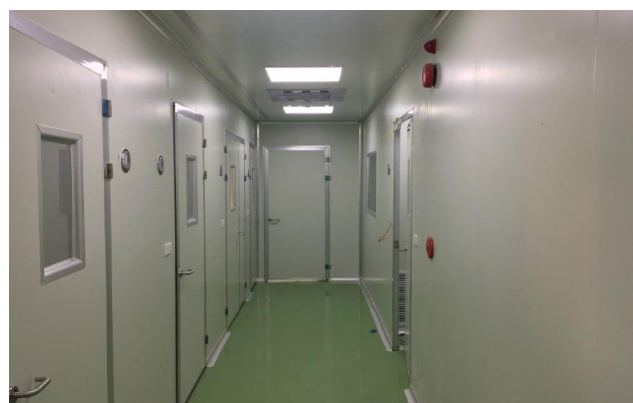


Vân gỗ
Wood grain

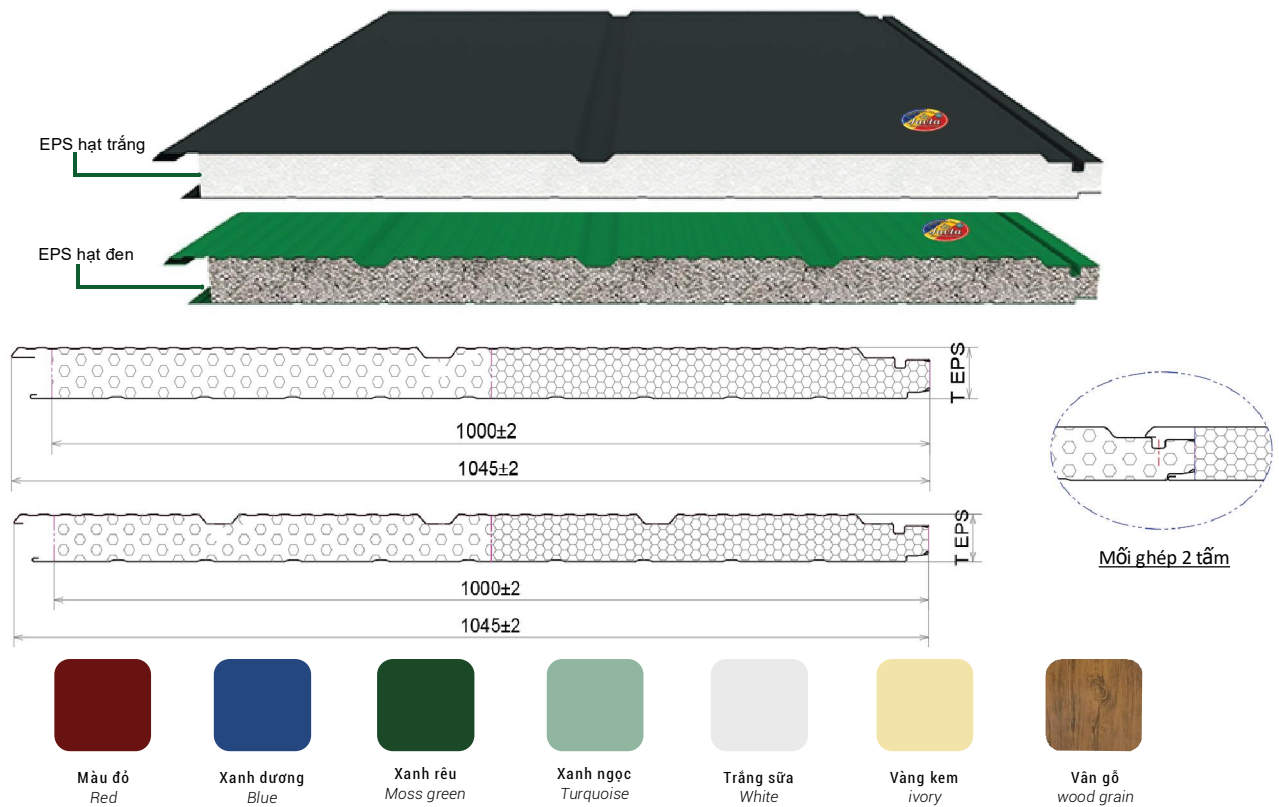
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Alufim 0.40 ~ 0.80mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Xốp EPS thường / chống cháy lan	Interior material	Normal EPS/Anti-Fire EPS
Tỉ trọng (kg/m ³)	8÷25	Overall Density (kg/m ³)	8÷25
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000 /1025	W (mm)	1.000 /1025
Độ dày EPS(mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



PANEL TƯỜNG NGOÀI EPS



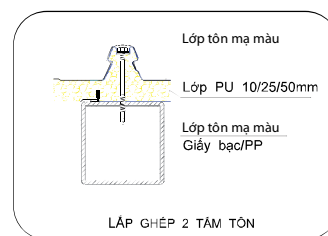
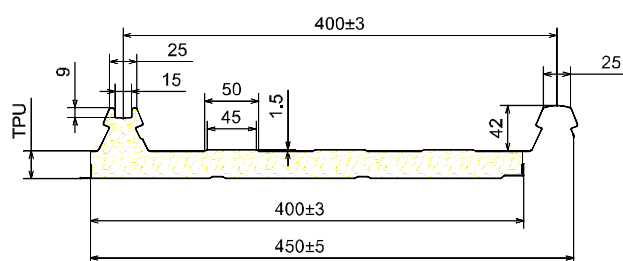
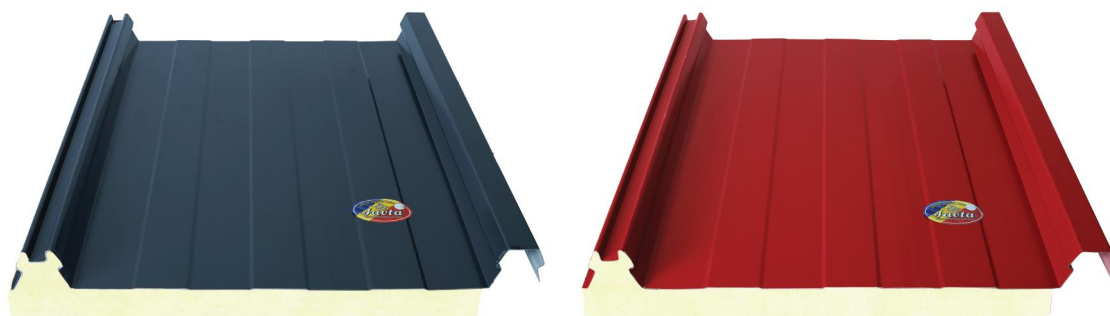
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80mm - Phẳng hoặc có gân	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Alufim 0.40 ~ 0.80mm - Flat or waves
Cách nhiệt bên trong	Xốp EPS thường / chống cháy lan	Interior material	Normal EPS/Anti-Fire EPS
Tỉ trọng (kg/m³)	8÷25	Overall Density (kg/m³)	8÷25
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000 /1045	W (mm)	1.000 /1045
Độ dày EPS(mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



TẤM LỢP PU 2 SÓNG CHỐNG DỘT KLIP LOCK JAVTA



Màu đỏ
Red



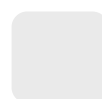
Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise



Trắng sữa
White



Vàng kem
Ivory

THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

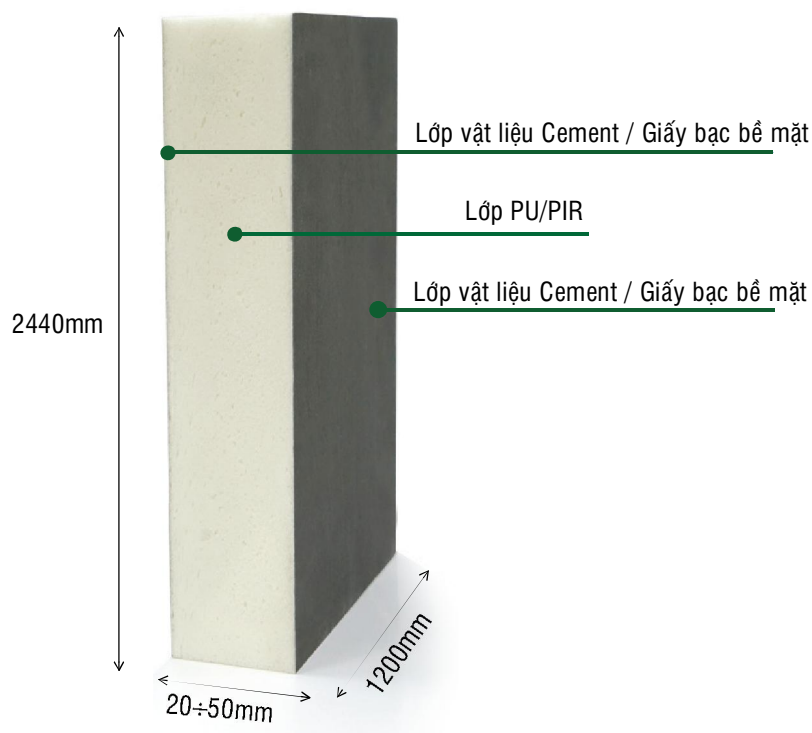
Phân loại	Thông số kỹ thuật
Lớp thứ nhất	Tôn 2 sóng 0.35 ~ 0.50mm
Lớp thứ hai	PU tỷ trọng 38 ±3 kg/m³
Lớp thứ ba	PP/Alufim/Tôn phẳng 0.30 ~ 0.45mm
Độ dày PU (mm)	10, 15, 20, 25, 30, 40, 50, 60
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	400/450
Chiều dài tối đa (mm)	Trong phạm vi có thể vận chuyển (33m)

Division	Specification
Sheath material	2-wave sheet 0.35 ~ 0.50mm
Interior material	PU proportion 38 ±3 kg/m³
Sheath material	PP/Alufim/Flat sheet 0.30 ~ 0.45mm
D PU (mm)	10, 15, 20, 25, 30, 40, 50, 60
W (mm)	400/450
L (mm)	Carryable length, Max 33m

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/ CONSTRUCTION IMAGE



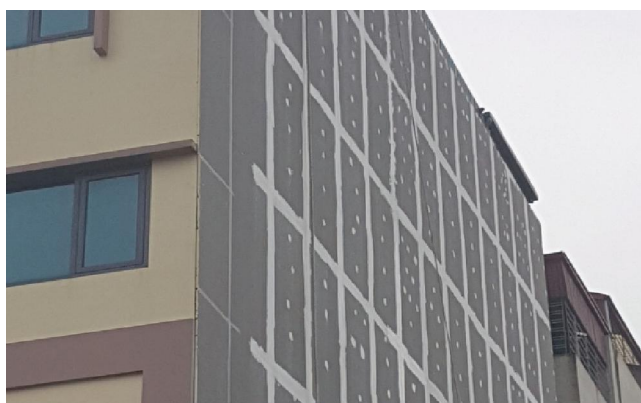
TẤM CÁCH NHIỆT JAVTA / INSULATION SHEET JAVTA



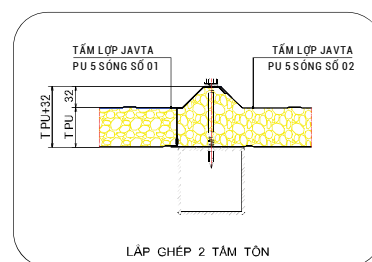
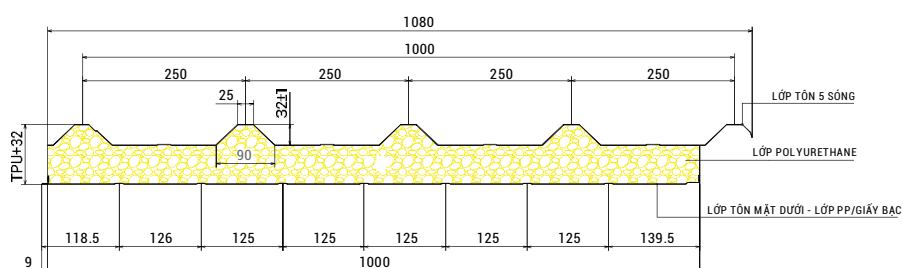
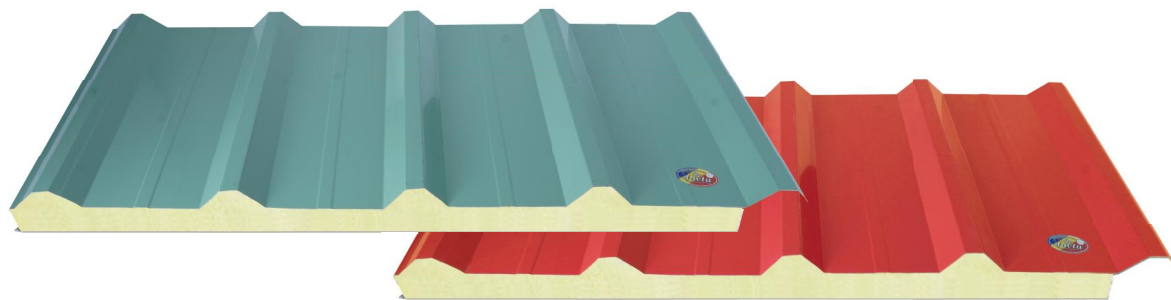
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Lớp Cement hoặc giấy bạc hoa	<i>Sheath material</i>	Cement Paper / PP/Alufim
Tỷ trọng (kg/m ³)	40÷60v	<i>Overall Density (kg/m³)</i>	40÷60
Độ dày (mm)	20 - 30 - 40 - 50	T PU/PIR (mm)	20 - 30 - 40 - 50
Trọng lượng (kg)	0.8÷2.2	W (kg)	0.8÷2.2
Kích thước sản phẩm (mm)	1200 x 2440	W x L (mm)	1200 x 2440

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



TẦM LỢP PU 5 SÓNG JAVTA



Màu đỏ
Red



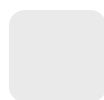
Xanh dương
Blue



Xanh rêu
Moss green



Xanh ngọc
Turquoise



Trắng sữa
White



Vàng kem
Ivory

THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

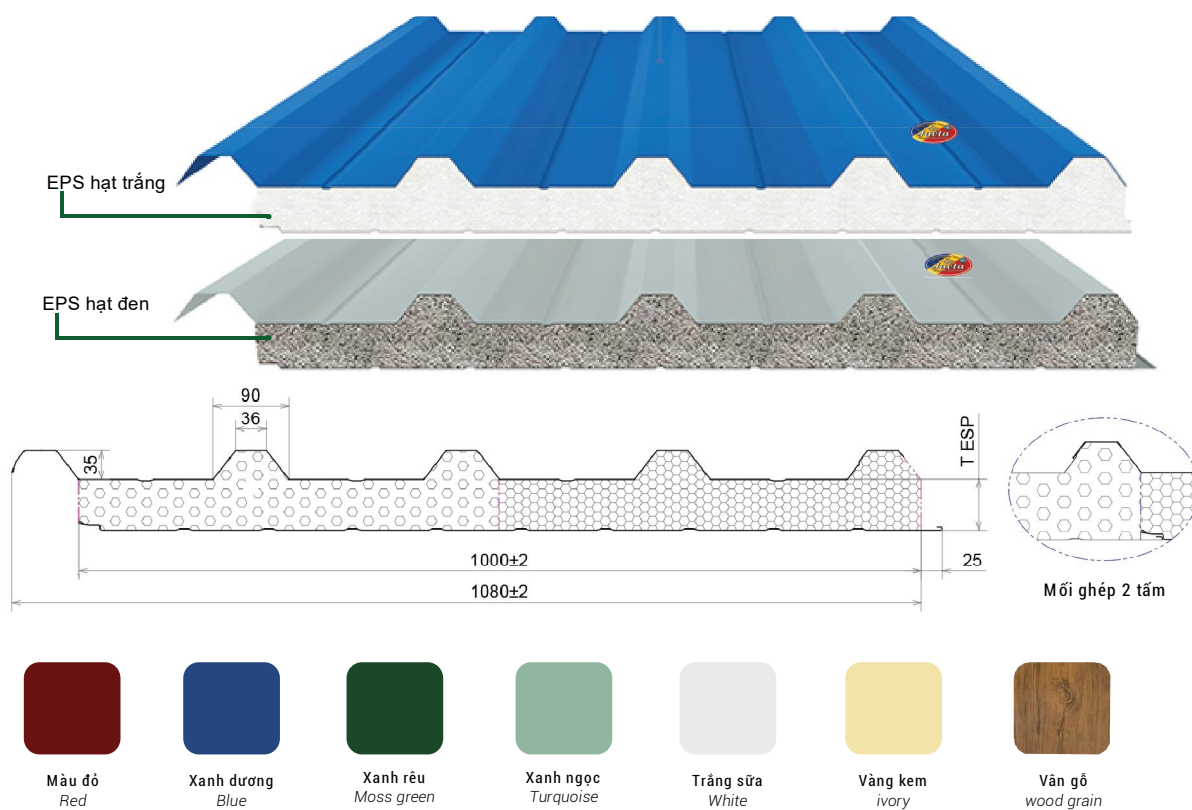
Phân loại	Thông số kỹ thuật
Lớp thứ nhất	Tôn 5 sóng 0.30 ~ 0.50mm
Lớp thứ hai	PU tỷ trọng 38 ±3 kg/m³
Lớp thứ ba	PP/Alufim/Tôn phẳng 0.30 ~ 0.45mm
Độ dày PU (mm)	20, 40, 50, 60
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000/1.080
Chiều dài tối đa (mm)	Trong phạm vi có thể vận chuyển

Division	Specification
Sheath material	5-wave sheet 0.30 ~ 0.50mm
Interior material	PU proportion 38 ±3 kg/m³
Sheath material	PP/Alufim/Flat sheet 0.30 ~ 0.45mm
D PU (mm)	20, 40, 50, 60
W (mm)	1.000/1.080
L (mm)	Carryable length

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ / CONSTRUCTION IMAGE



TẤM LỢP 5 SÓNG EPS



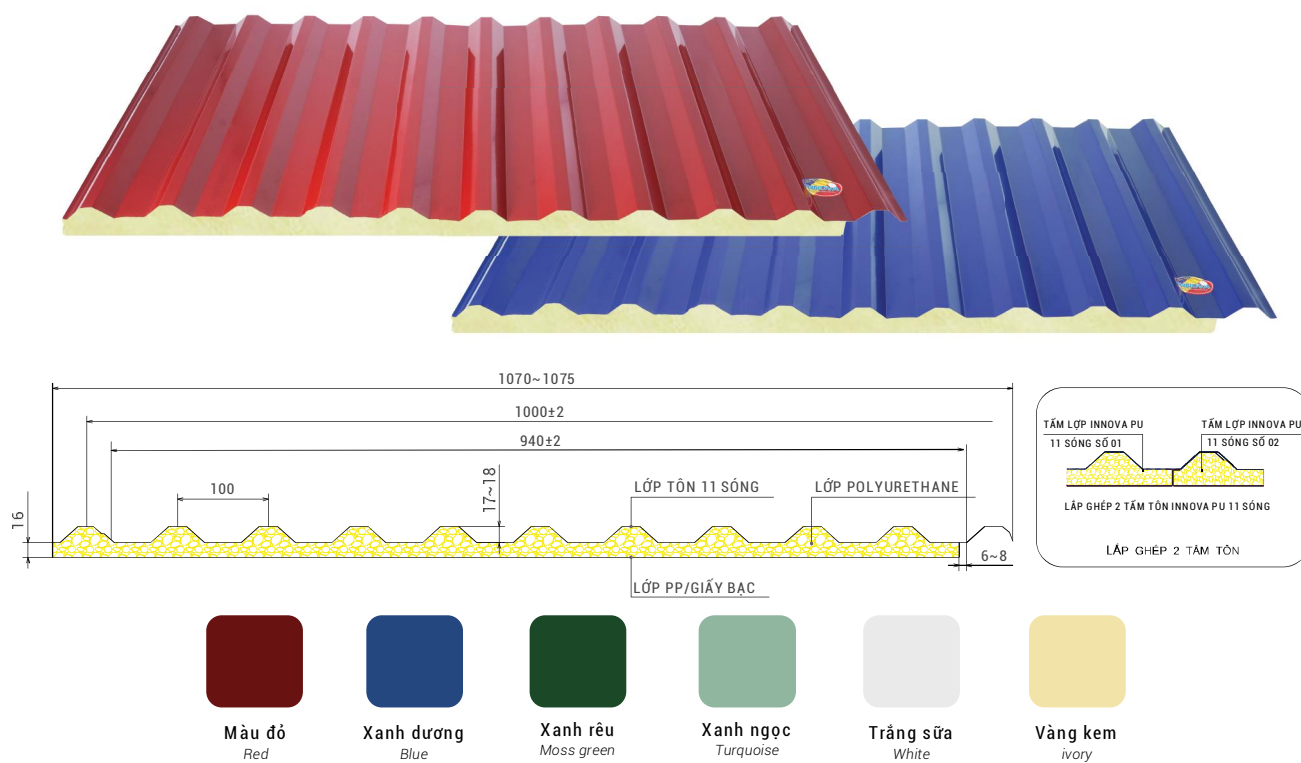
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Phần hoàn thiện bên ngoài	Tôn/Inox/Nhôm/Giấy bạc phẳng 0.40 ~ 0.80mm.	Sheath material	Flat sheet/Inox/Aluminum/Alufim 0.40 ~ 0.80mm.
Cách nhiệt bên trong	Xốp EPS thường / chống cháy lan	Interior material	Normal EPS/Anti-Fire EPS
Tỉ trọng (kg/m ³)	8÷25	Overall Density (kg/m ³)	8÷25
Khổ hiệu dụng /Khổ sản phẩm(mm)	1.000 / 1080	W (mm)	1.000 /1080
Độ dày EPS(mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200	D EPS (mm)	50, 75, 100, 125, 150, 200
Chiều dài tối đa (mm)	18.000	L (mm)	18.000

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ/CONSTRUCTION IMAGE



TẤM LỢP PU 11 SÓNG INNOVA - JAVTA



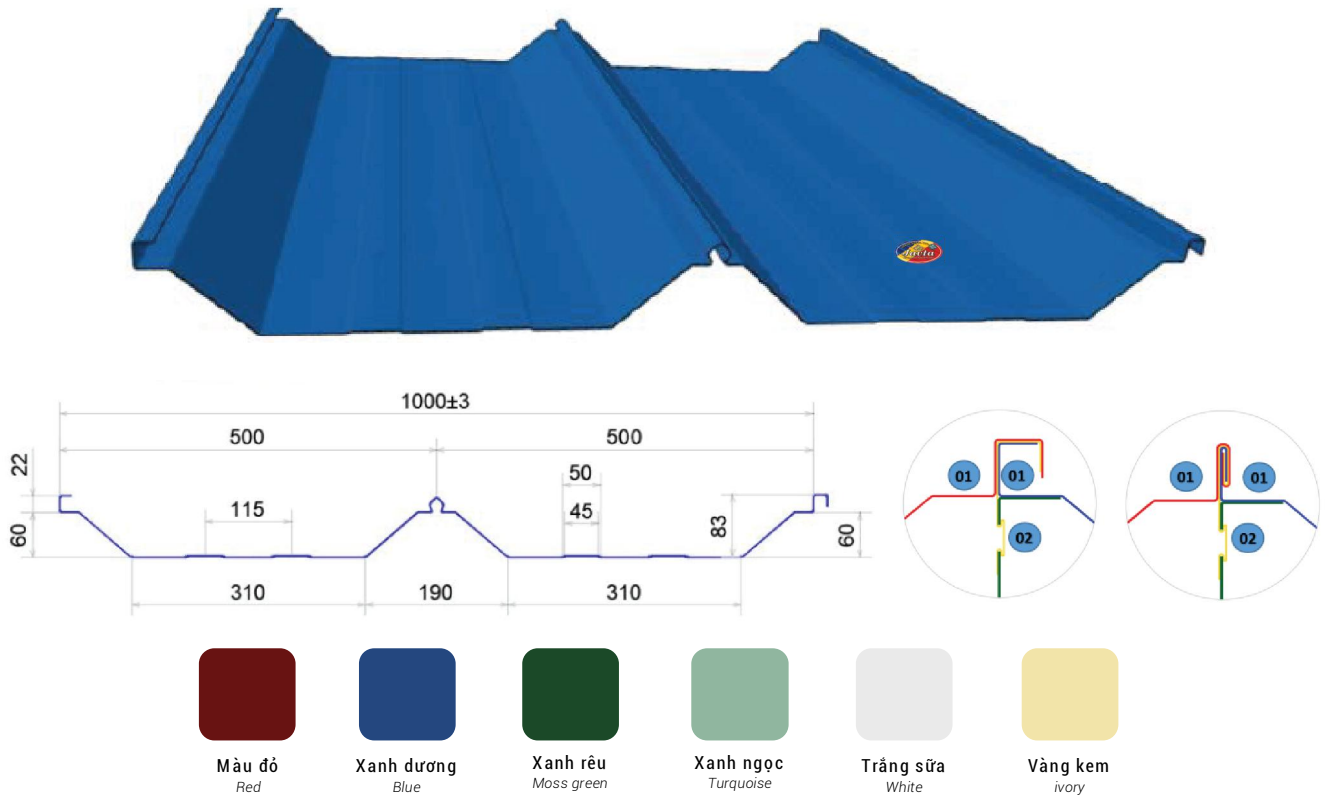
THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật	Division	Specification
Lớp thứ nhất	Tôn 11 sóng 0.30 ~ 0.50mm	Sheath material	11-wave sheet 0.30 ~ 0.50mm
Lớp thứ hai	PU tỷ trọng 35 – 38 kg/m ³	Interior material	PU proportion 35 – 38kg/m ³
Lớp thứ ba	PP/Alufim	Sheath material	PP/Alufim
Độ dày PU (mm)	16	D PU (mm)	16
Khổ hiệu dụng khổ sản phẩm (mm)	1.000/1.080	W (mm)	1.000/1.080
Chiều dài tối đa (mm)	Trong phạm vi có thể vận chuyển	L (mm)	Carryable length

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ / CONSTRUCTION IMAGE



TẤM LỚP SEAMLOCK 3 SÓNG JAVTA



THÔNG SỐ SẢN XUẤT SẢN PHẨM/ PRODUCT SPECIFICATION

Phân loại	Thông số kỹ thuật
Lớp thứ nhất	Tôn 3 sóng Seamlock 0.30 ~ 0.80mm
Lớp thứ hai	Bông khoáng, sợi thủy tinh (ứng dụng)
Lớp thứ ba	Lớp lót cách nhiệt (ứng dụng)
Khổ hiệu dụng (mm)	1000
Chiều dài tối đa (mm)	Trong phạm vi có thể vận chuyển

Division	Specification
Sheath material	T2 - wave sheet 0.30 ~ 0.80mm
Interior material	Rockwool, Glasswool
Sheath material	PP/Alufim
W(mm)	1000
L(mm)	Carryable length

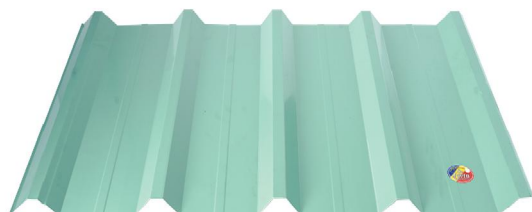
HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH THỰC TẾ / CONSTRUCTION IMAGE



TẤM LỢP 1 LỚP



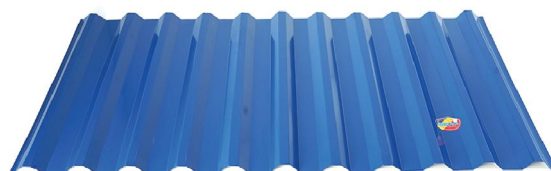
TẤM LỢP 2 SÓNG KLIP LOCK JAVTA



TẤM LỢP 5 SÓNG JAVTA



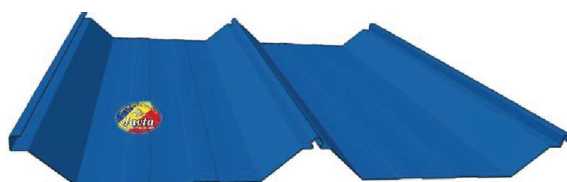
VÒM 5 SÓNG CANOPY JAVTA



TẤM LỢP 11 SÓNG JAVTA

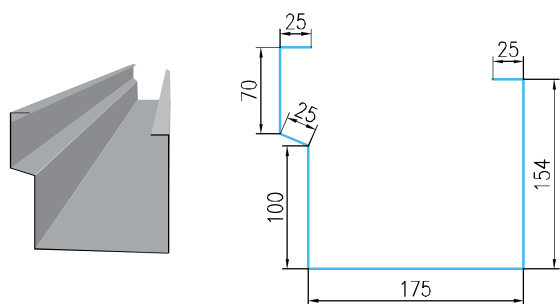


TẤM LỢP SEAMLOCK 2 SÓNG JAVTA



TẤM LỢP SEAMLOCK 3 SÓNG JAVTA

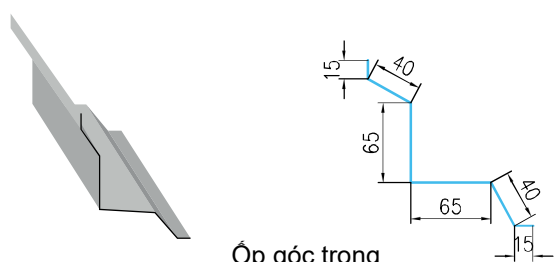
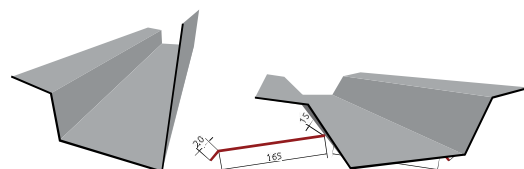
PHỤ KIỆN TÔN LỢP/ACCESSORIES FOR ROOFING SHEETS



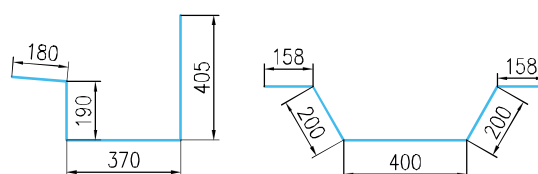
Máng nước - Eave gutter

Kiểu I

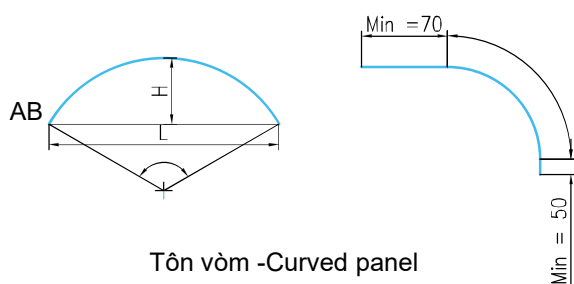
Kiểu II



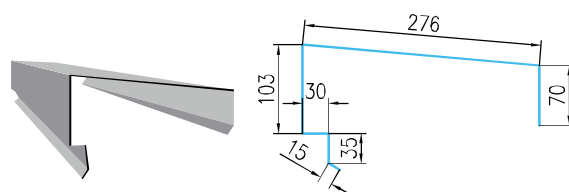
Ốp góc trong



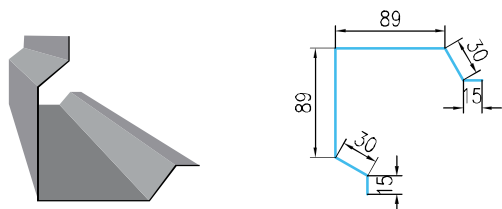
Máng xối - Valley gutter



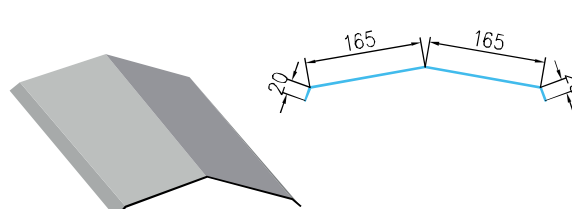
Tôn vòm -Curved panel



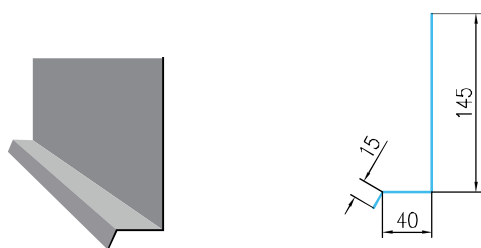
Nẹp chắn nước - Cap flashing



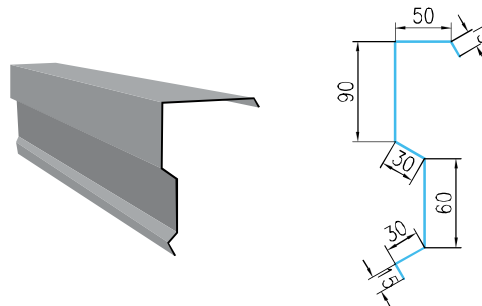
Diềm ốp góc -Outside corner trim



Úp nóc



Chỉ nước - Drip trim



Diềm đầu hồi - Oasis gable trim

PHỤ KIỆN PANEL PU/ACCESSORIES PANEL PU



Thanh chữ U



Thanh bo vách kính



Thanh R đơn



Thanh R đôi



Thanh chữ H



Thanh chữ H2



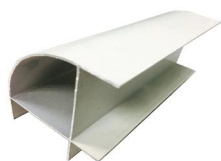
Thanh biên



Thanh chữ V



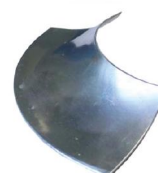
Thanh xà gồ chữ T



Trụ nối panel



Bo góc trong



Bo góc ngoài



C63x20-R50



Chân nẹp V35x35



Chân nẹp V25x25



R23x25 nẹp tròn



U25x52 chân nẹp



LC38x64-R26

GIẤY KIỂM ĐỊNH - CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards, Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Try số chính: 55 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 - Fax: 024 38361199 - Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 - Fax: 024 32191001

Số/No: 20/0612/TN3 Trang: Page 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Tấm lợp PU Java
2. Khách hàng:
3. Số lượng mẫu: 01 mẫu
4. Ngày nhận mẫu: 28/05/2020
5. Tình trạng mẫu: Mẫu đã được khách hàng gia công
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2020 đến ngày 02/06/2020

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Khối lượng riêng	kg/m ³	ISO 845: 2006	32,1

Hà Nội, ngày 02/06/2020
TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
Phạm Thủy Hằng
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Khâm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

TNBM05.3 Lần ban hành: 03/2019

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards, Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Try số chính: 55 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 - Fax: 024 38361199 - Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 - Fax: 024 32191001

Số/No: 20/0082/TN2 Trang: Page 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Vách ngăn (Panel) Java, độ dày PU=100mm
Sample:
2. Khách hàng:
Customer:
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mới, Chưa qua sử dụng
Sample observation: New, Unused
5. Ngày nhận mẫu: 08/01/2020
6. Ngày thử nghiệm: 14/01/2020
Reception date: Test duration:

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Standard level
1	Thử cháy bằng sợi dây nóng đỏ ở 700°C Glow-wire test at 700°C (Ghi chú: Thử cháy cho phần PU/ Fire test for PU part)		Yêu cầu của khách hàng Customer's requirement IEC 695-2-1/2:1994	Không bắt lửa No flame

Hình ảnh/ Pictures:

Hanoi, date of 14/01/2020
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab
Đặng Thanh Tùng
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Khâm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

TNBM05.3 Lần ban hành: 03/2019

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards, Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Try số chính: 55 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 - Fax: 024 38361199 - Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 - Fax: 024 32191001

Số/No: 20/2056/TN2 Trang: Page 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Tấm lợp PU JAVTA 5 sóng
Sample:
2. Khách hàng:
Customer:
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mới, Chưa qua sử dụng
Sample observation: New, Unused
5. Ngày nhận mẫu: 21/05/2020
6. Ngày thử nghiệm: 25/05/2020
Reception date: Test duration:

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Standard level
1	Thử cháy bằng sợi dây nóng đỏ ở 700°C Glow-wire test at 700°C (Ghi chú: Thử cháy cho phần PU/ Fire test for PU part)		Yêu cầu của khách hàng Customer's requirement IEC 695-2-11:2020	Không bắt lửa No flame

Hình ảnh/ Pictures:

Hanoi, date of 25/05/2020
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab
Đặng Thanh Tùng
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Khâm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

TNBM05.3 Lần ban hành: 03/2019

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards, Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Try số chính: 55 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 - Fax: 024 38361199 - Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 - Fax: 024 32191001

Số/No: 20/1034/TN2 Trang: Page 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Tấm lợp chống dột KLIP PU (Java 2 sóng, PU=5091mm)
Sample:
2. Khách hàng:
Customer:
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mới, Chưa qua sử dụng
Sample observation: New, Unused
5. Ngày nhận mẫu: 19/03/2020
6. Ngày thử nghiệm: 25/03/2020
Reception date: Test duration:

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Standard level
1	Thử cháy bằng sợi dây nóng đỏ ở 700°C Glow-wire test at 700°C (Ghi chú: Thử cháy cho phần PU/ Fire test for PU part)		Yêu cầu của khách hàng Customer's requirement IEC 695-2-1/2:1994	Không bắt lửa No flame

Hình ảnh/ Pictures:

Hanoi, date of 25/03/2020
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab
Đặng Thanh Tùng
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Khâm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.

TNBM05.3 Lần ban hành: 03/2019

GIẤY KIỂM ĐỊNH - CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

 BỘ XÂY DỰNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 003 (ISO/IEC 17025:2005) - TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) VILAS 003 LABORATORY - INSPECTION CENTER FOR BUILDING MATERIALS Địa chỉ (Address): 235 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Điện thoại (Tel): 024 38582216; Fax: 024 38581112; Email: centerstilas003@gmail.com; Website: www.vibm.vn				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): <u>6.201</u> /VLXD-TTKD				
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): Công ty TNHH Thép Javta 2. Loại mẫu (Kind of sample): Tấm Panel PU Javta 3. Số phiếu kế hoạch (Reg.No): 1533/KHTN (1718/VILAS/KD) 4. Ngày nhận mẫu (Date of received sample): 24/08/2020				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT				
STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test methods)
1	Khối lượng thể tích (Bulk density)	kg/m ³	47,6	ISO 2896: 2001 (*)
2	Độ ngấm nước (Water absorption)	% thể tích	2,01	
3	Độ biến dạng ở 10% biến dạng (Compressive strength 10% deformation)	kPa kg/cm ²	175,4 1,734	ISO 844: 2014 (*)
4	Hệ số dẫn nhiệt (Thermal conductivity) T _m = 23°C	W/m.K	0,02285	ASTM C518
5	Tải trọng uốn gãy (Flexural strength)	N	81,7	ISO 1209-1: 2007 (*)
Hà Nội, ngày (Date): 31/08/2020				
Cán bộ phân tích (Tested by): Đỗ Hồng Tuyên PTN VILAS 003- Trung tâm Kiểm định VLXD VILAS 003- Inspection Center for BM				
Viện Vật liệu xây dựng  PHÓ VIỆN TRƯỞNG <u>Lưu Thị Hồng</u> Nguyễn Minh Quỳnh				
Ghi chú (Note): - Mẫu do khách hàng gửi đến phòng thí nghiệm VILAS 003-Viện Vật liệu xây dựng. Tên cơ quan gửi mẫu, tên mẫu trên Phiếu kết quả thử nghiệm do khách hàng đề. (Samples were sent to lab VILAS 003-VIBM. Name of client and sample are client's request). - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu. Không được sao chép nội dung Phiếu kết quả này khi không được đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm VILAS 003. (The test report valid for sample only. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of VILAS 003). - Dấu VILAS 003 không bao gồm phép thử dấu (*). The VILAS003 symbol not used for (*) test methods.				

 VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC) CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS & CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC) Địa chỉ (Address): 235 Đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Điện thoại (Tel): 024 38582216; Fax: 024 38581112; Website: http://vibm.vn; E-mail: info@vibm.vn				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): <u>6645</u> /VLXD-VLHC				
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): CÔNG TY TNHH THÉP JAVTA Địa chỉ (Address): Ô 35, lô N03, Khu đô thị Đồng Tâm, P. Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội 2. Loại mẫu (Kind of sample): Tấm Panel PU Javta 3. Số lượng (Quantity): 01 4. Số phiếu Trung tâm (Con.No): 1653/ KHTN 5. Ngày nhận mẫu (Date of received): 31/8/2020				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT				
TT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Units)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)
1*	Đặc tính cháy (Burning characteristics)		0	ISO 9772:2012
	- Thời gian cháy hoàn toàn (Afterflame time)	s	0	
	- Thời gian tàn cháy (Afterglow time)	s	0	
	- Bông chỉ thị bị đốt cháy bởi tàn cháy hoặc giọt cháy nhỏ? (Cotton ignited by flaming particles or drops)	-	Không	
	Chiều dài hư hại (L _p +25) (Damaged length (L _p +25))	mm	16	
Chỉ tiêu thử nghiệm (*) đạt Nhóm HP-1 theo tiêu chuẩn ISO 9772:2012 (Characteristics (*) meet the requirements of Class HP-1 according to ISO 9772:2012)				
Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2020				
Cán bộ thử nghiệm (Test by): <u>Thắng, Quí</u> TT. VLHC&HPXD COMCC				
Viện Vật liệu xây dựng  PHÓ VIỆN TRƯỞNG <u>Nguyễn Văn Huyền</u> Đào Quốc Hùng				
Ghi chú (Note): - Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng. (Characteristics and methods were tested according to client's request). - Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. (Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported to client's request). - Không được sao chép nội dung Phiếu kết quả này khi không được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. (This test report not be reproduced except in full).				

 BỘ XÂY DỰNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 003 (ISO/IEC 17025:2005) - TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) VILAS 003 LABORATORY - INSPECTION CENTER FOR BUILDING MATERIALS Địa chỉ (Address): 235 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Điện thoại (Tel): 024 38582216; Fax: 024 38581112; Email: centerstilas003@gmail.com; Website: www.vibm.vn				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): <u>6645</u> /VLXD-TTKD				
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): Công ty TNHH Thép Javta 2. Loại mẫu (Kind of sample): Tấm panel PU Javta 3. Số phiếu kế hoạch (Reg.No): 1844/KHTN 4. Ngày nhận mẫu (Date of received sample): 14/09/2020				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT				
STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test methods)
1 (*)	Khả năng chịu nhiệt ở nhiệt độ 200°C trong 90 phút			Quy trình thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng
	- Ở nhiệt độ 200°C trong 90 phút			
	+ Mật khối lượng	%	1,1	
	+ Thay đổi kích thước theo chiều dài	%	0,51	
	+ Ngoại quan (Appearance):		- Mẫu không cháy - Mẫu bị chuyển từ màu trắng đục sang màu vàng	
Hà Nội, ngày (Date): 16/09/2020				
Cán bộ phân tích (Tested by): Tuyên - Sen PTN VILAS 003- Trung tâm Kiểm định VLXD VILAS 003- Inspection Center for BM				
Viện Vật liệu xây dựng  PHÓ VIỆN TRƯỞNG <u>Nguyễn Văn Huyền</u> Nguyễn Minh Quỳnh				
Ghi chú (Note): - Mẫu do khách hàng gửi đến phòng thí nghiệm VILAS 003-Viện Vật liệu xây dựng. Tên cơ quan gửi mẫu, tên mẫu trên Phiếu kết quả thử nghiệm do khách hàng đề. (Samples were sent to lab VILAS 003-VIBM. Name of client and sample are client's request). - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu. Không được sao chép nội dung Phiếu kết quả này khi không được đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm VILAS 003. (The test report valid for sample only. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of VILAS 003). - Dấu VILAS 003 không bao gồm phép thử dấu (*). The VILAS003 symbol not used for (*) test methods.				

 BỘ XÂY DỰNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 003 (ISO/IEC 17025:2005) - TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) VILAS 003 LABORATORY - INSPECTION CENTER FOR BUILDING MATERIALS Địa chỉ (Address): 235 Đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Điện thoại (Tel): 024 38582216; Fax: 024 38581112; Email: centerstilas003@gmail.com; Website: www.vibm.vn				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT Số (No): <u>6644</u> /VLXD-TTKD				
1. Cơ quan gửi mẫu (Client): Công ty TNHH Thép Javta 2. Loại mẫu (Kind of sample): Tấm panel PU Javta 3. Số phiếu kế hoạch (Reg.No): 1596/KHTN 4. Ngày nhận mẫu (Date of received sample): 17/09/2020				
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT				
STT (No)	Tên chỉ tiêu (Characteristics)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test methods)
1 (*)	Khả năng chịu nhiệt ở nhiệt độ 200°C trong 120 phút			Quy trình thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng
	- Ở nhiệt độ 200°C trong 120 phút			
	+ Mật khối lượng	%	1,1	
	+ Ngoại quan (Appearance):		- Mẫu không cháy - Mẫu bị chuyển từ màu trắng đục sang màu vàng	
Hà Nội, ngày (Date): 21/09/2020				
Cán bộ phân tích (Tested by): Tuyên - Sen PTN VILAS 003- Trung tâm Kiểm định VLXD VILAS 003- Inspection Center for BM				
Viện Vật liệu xây dựng  PHÓ VIỆN TRƯỞNG <u>Nguyễn Văn Huyền</u> Nguyễn Minh Quỳnh				
Ghi chú (Note): - Mẫu do khách hàng gửi đến phòng thí nghiệm VILAS 003-Viện Vật liệu xây dựng. Tên cơ quan gửi mẫu, tên mẫu trên Phiếu kết quả thử nghiệm do khách hàng đề. (Samples were sent to lab VILAS 003-VIBM. Name of client and sample are client's request). - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu. Không được sao chép nội dung Phiếu kết quả này khi không được đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm VILAS 003. (The test report valid for sample only. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of VILAS 003). - Dấu VILAS 003 không bao gồm phép thử dấu (*). The VILAS003 symbol not used for (*) test methods.				

GIẤY KIỂM ĐỊNH - CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

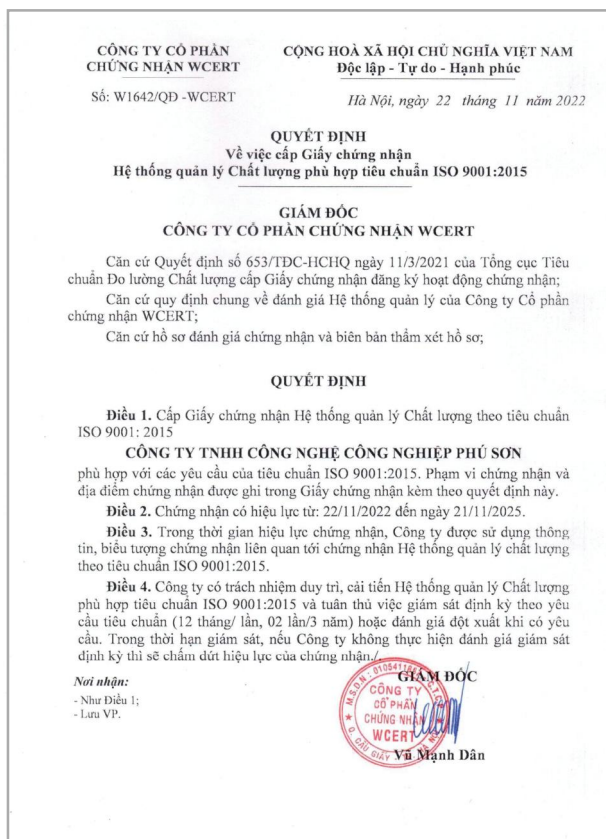
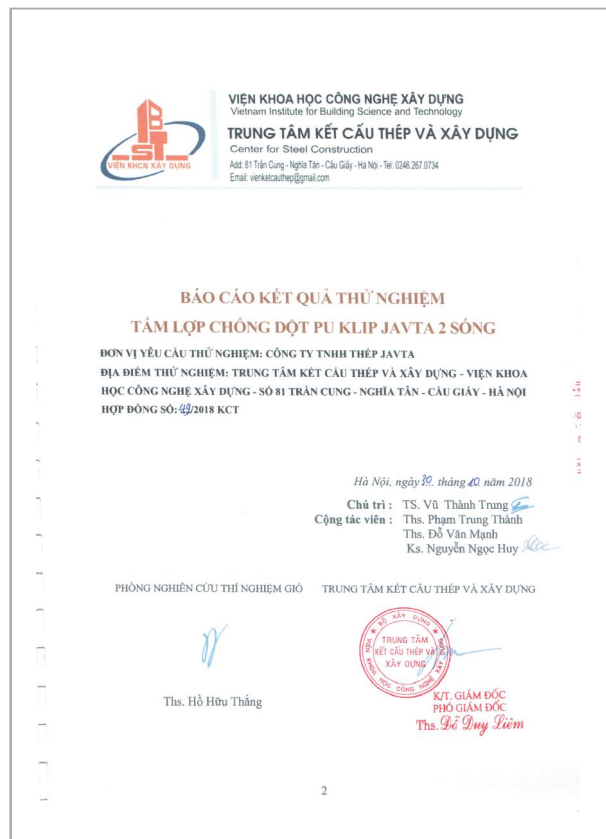
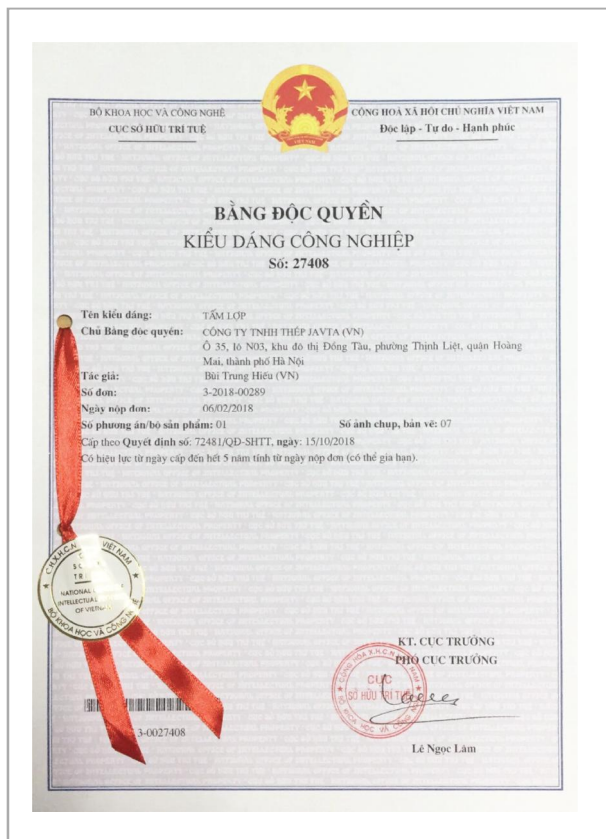
		VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology (IBST) VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG Institute of Building Structures (IBS) Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.24.38364905; 84.24. 62670817 Fax: 84.24.62692708 - Website: www.vienketcau.vn; www.ibst.vn		
Số HĐ 019/2021KNIBS	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		Hà Nội 04/11/2021 BC.041121-X.01	
I. THÔNG TIN				
Khách hàng	CÔNG TY TNHH THÉP JAVTA			
Công trình	Kiểm tra chất lượng sản phẩm của khách hàng			
Mẫu thử nghiệm	Tấm panel PIR			
Chỉ tiêu thử nghiệm	Độ bền nén tương ứng biến dạng 10%			
Địa điểm thí nghiệm	Viện KHCN XD, số 81 Trần Cung, Cầu Giấy, Hà Nội			
II. KẾT QUẢ				
Ngày nhận mẫu	16/10/2021	Ngày thí nghiệm	04/11/2021	
Phương pháp thử	ASTM D1621-16			
Thiết bị thử nghiệm	Thuốc kẹp, máy thí nghiệm DTM-900MH4			
Mẫu thử	Kích thước tiết diện (mm)	Tải trọng thử (N)	Độ bền nén (kPa) tương ứng biến dạng 10%	
			Giá trị đơn lẻ	Giá trị trung bình
#1	99 x 98	1220	125.7	126.4
#2	99 x 98	1249	128.7	
#3	98 x 100	1116	116.3	
#4	98 x 98	1288	134.1	
#5	98 x 99	1235	127.3	
Chú đầu tư	Người thử nghiệm	Phòng TNCT	Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng (IBS)	
TVGS				
Nhà thầu	Đỗ Trần Hùng	Trưởng phòng Nguyễn Mạnh Toàn	Cao Duy Khôi	
1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do người giao mẫu cung cấp. 2. Người giao mẫu cung cấp và chịu trách nhiệm toàn bộ các thông tin về mẫu thử. 3. Không được sao chép kết quả này nếu không được sự đồng ý của IBS. Địa chỉ phòng thí nghiệm: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.24.38364162 Fax: 024.62692708				

		VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG Institute of Building Structures Địa chỉ: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 04.62670817 - Website: www.vienketcau.vn TEL: (84-4) 37543439 - Fax: 04.62692708				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU TEST RESULTS MATERIAL TEST						
Số HĐKNB: Contract Number:	019/2021KNIBS	Số hiệu Báo cáo: Report Number:	***.21.VL.NCPC			
Khách hàng - Client:	CÔNG TY TNHH THÉP JAVTA / JAVTA STEEL CO.,LTD					
Địa chỉ - Address:	035, Lô N03, khu đô thị Đông Tau, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam / Lot 35, Block N03, Dong Tau urban area, Thinh Liet ward, Hoang Mai district, Hanoi city, Vietnam.					
Mẫu thử - Specimens:	Lõi PU của tấm panel PIR / PU core of PIR panel					
Nhà sản xuất - Manufacturer:	CÔNG TY TNHH THÉP JAVTA / JAVTA STEEL CO.,LTD					
Mô tả mẫu vật liệu / Sample description:	Mẫu vật liệu xốp PU màu trắng ngà là lõi của tấm panel PIR/ Specimens are ivory white PU foam is core of PIR panel					
Ngày nhận mẫu - Specimen delivered:	16/10/2021	Ngày thí nghiệm - Testing date:	19/10/2021			
Chỉ tiêu thử nghiệm - Examined property:	Khối lượng thể tích / Density					
Tiêu chuẩn áp dụng - Standard testing method:	ASTM D1622					
Thiết bị thí nghiệm / Testing apparatus:	Thuốc kẹp, Cân / Steel ruler, Caliper, Scale					
Nhiệt độ môi trường - Ambient Temperature (°C):	25					
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULTS						
TT / N°	Ký hiệu mẫu / Sample	Chiều dài / Length (mm)	Chiều rộng / Width (mm)	Chiều dày / Thickness (mm)	Khối lượng / Weight (g)	Khối lượng thể tích / Density (kg/m³)
1	M1	45.00	47.00	47	4.75	47.8
2	M2	47.00	47.00	47	5.04	48.5
3	M3	46.00	48.00	47	4.87	46.9
4	M4	48.00	48.00	47	5.22	48.2
5	M5	45.00	47.00	47	4.78	48.1
Giá trị trung bình / Average value:						47.7
Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021 Hanoi, 08 / 11 / 2021						
Người thí nghiệm Test by	Phòng NC PCC Fire safety Engineering Dept.	Phòng Tổng hợp General Dept.	Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng - IBS			
Dào Duy Anh Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Phương Tùng Hoàng Anh Giang						
Lưu ý về phạm vi áp dụng / Field of application: 1- Mẫu thử và thông tin về mẫu thử do khách hàng cung cấp / Sample and sample information are prepared and delivered to the Laboratory by the Client. 2- Các kết quả thí nghiệm chỉ cho biết ứng xử của mẫu vật liệu trong những điều kiện thí nghiệm và chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Việc đánh giá mức độ nguy hiểm cháy của loại sản phẩm này cần căn cứ vào những chỉ tiêu cụ thể theo yêu cầu sử dụng, không chỉ căn cứ hoàn toàn vào những kết quả thử / The test results relate to the behaviour of the test specimens of a product under the particular conditions of the test and valid only for specimens supplied by the Client; they are not intended to be the sole criterion for assessing the potential fire hazard of the product in use. 3- Không được sao chép phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận của Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng (IBS) / The test results shall neither be reproduced nor copied, except in full by any means without approval in writing of Institute of Building Structures (IBS).						
Phòng thí nghiệm Phòng cháy chữa cháy Fire Safety Engineering Laboratory (LAS-XD 416)						1/1

		VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG Institute of Building Structures Địa chỉ: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 024.62670817 - Website: www.vienketcau.vn TEL: (84-24) 37543439 - Hotline: (84) 91300564 - Fax: 024.62692708								
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ỨNG XỬ VỚI LỬA CỦA VẬT LIỆU TEST RESULTS OF REACTION TO FIRE PROPERTIES OF MATERIAL										
Số Hợp đồng: Contract Number:	019/2021 KNIBS	Số hiệu Báo cáo: Report Number:	049.21.VL.NCPC							
Khách hàng / Client:	CÔNG TY TNHH THÉP JAVTA / JAVTA STEEL CO.,LTD									
Địa chỉ / Address:	035, Lô N03, khu đô thị Đông Tau, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam / Lot 35, Block N03, Dong Tau urban area, Thinh Liet ward, Hoang Mai district, Hanoi city, Vietnam.									
Mẫu thử / Specimens:	Tấm PIR / PIR Panel									
Mô tả mẫu vật liệu / Specimen description:	Mẫu vật liệu dạng sandwich gồm 3 lớp. Lõi là vật liệu dạng xốp cứng màu trắng ngà. Hai mặt là tấm vật liệu kim loại dày 0.5 mm. Các mặt xung quanh được phủ lớp vật liệu màu trắng. Tổng chiều dày mẫu 50 mm / Test specimens are 3 layers sandwich plates. The core is porous rigid material in ivory white color. The outer surface is the sheet metal thickness 0.5 mm. The surrounding sides are coated with white material. The total specimens thickness is 50 mm.									
Chiều dày / Thickness (mm):	50	Nhiệt độ môi trường / Ambient Temperature (°C):	25							
Ngày nhận mẫu / Specimen delivered:	16/10/2021	Ngày thí nghiệm - Testing date:	25/10/2021							
Chỉ tiêu thử nghiệm / Reaction to fire property:	Tĩnh cháy / Flammability									
Tiêu chuẩn áp dụng / Standard testing method:	DIN 4102-2; DIN 4102-1									
Thiết bị thí nghiệm / Testing apparatus:	Hệ thống thử nghiệm tĩnh bắt cháy bằng mẫu lửa nhỏ / Single-Flame source test chamber									
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULTS										
Vị trí đặt ngọn lửa / Flame application	Ngọn lửa đặt tại cạnh dưới của mẫu / Bottom edge ignition				Ngọn lửa đặt tại bề mặt của mẫu / Surface ignition					
Ký hiệu mẫu / Specimen No.	M1	M2	M3	M4	M5	M1	M2	M3	M4	M5
Bắt cháy tới vạch giới hạn trong 20 giây / Reaching the measuring mark within 20 seconds	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]
Thời gian cháy của ngọn lửa / Time of sustained flaming (s)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chiều dài bị cháy của mẫu / Length of the singe (mm)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mẫu bị chảy nhỏ giọt / Molten dripping	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]
Chảy nhỏ giọt, bắt cháy giấy lọc / Flaming droplets, ignition of filter paper	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]	[N]
Quan sát / Observed actions	Không xuất hiện ngọn lửa trên mẫu thử / No flame developed on the test piece					Không xuất hiện ngọn lửa trên mẫu thử / No flame developed on the test piece				
Phân nhóm theo tính bắt cháy / Ignitability Classification:	B2					B2				

		VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG Institute of Building Structures Địa chỉ: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 04.62670817 - Website: www.vienketcau.vn TEL: (84-4) 37543439 - Hotline: (84) 91300564 - Fax: 04.62692708				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM HỆ SỐ DẪN NHIỆT TEST RESULTS OF THERMAL CONDUCTIVITY OF MATERIAL						
Số Hợp đồng: Contract Number:	019/2021 KNIBS	Số hiệu Báo cáo: Report Number:	051.21.VL.NCPC			
Khách hàng - Client:	CÔNG TY TNHH THÉP JAVTA / JAVTA STEEL CO.,LTD					
Địa chỉ - Address:	035, Lô N03, khu đô thị Đông Tau, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam / Lot 35, Block N03, Dong Tau urban area, Thinh Liet ward, Hoang Mai district, Hanoi city, Vietnam.					
Mẫu thử - Specimens:	Tấm PIR / PIR Panel					
Mô tả mẫu vật liệu / Specimen description:	Mẫu vật liệu dạng sandwich gồm 3 lớp. Lõi là vật liệu dạng xốp cứng màu trắng ngà. Hai mặt là tấm vật liệu kim loại dày 0.5 mm. Các mặt xung quanh được phủ lớp vật liệu màu trắng. Tổng chiều dày mẫu 50 mm / Test specimens are 3 layers sandwich plates. The core is porous rigid material in ivory white color. The outer surface is the sheet metal thickness 0.5 mm. The surrounding sides are coated with white material. The total specimens thickness is 50 mm.					
Khối lượng thể tích - Density (kg/m³):	198.1	Chiều dày - Thickness (mm):	50			
Ngày nhận mẫu - Specimen delivered:	16/10/2021	Ngày thí nghiệm - Testing date:	02/11/2021			
Chỉ tiêu thử nghiệm - Reaction to fire property:	Hệ số dẫn nhiệt / Thermal conductivity					
Tiêu chuẩn áp dụng - Standard testing method:	ASTM C518 - 98					
Thiết bị thí nghiệm / Testing apparatus:	Hệ thống thử nghiệm tính dẫn nhiệt của vật liệu / Testing system for thermal properties of building materials					
Đầu đo thông lượng nhiệt / Heat flux sensor:	Captec 50x50mm	Nhiệt độ môi trường - Ambient Temperature (°C):	25			
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULTS						
TT / N°	Ký hiệu mẫu / Specimen	Các giá trị nhiệt độ / Temperature values (°C)				Hệ số dẫn nhiệt / Thermal conductivity (W/mK)
		Nhiệt độ mặt nóng / Hot plate temp.	Nhiệt độ mặt lạnh / Cold plate temp.	Nhiệt độ trung bình / Mean Temp.	Nhiệt độ chênh lệch / Difference Temp.	
1	M1	75.4	25.2	50.3	50.2	0.032
2	M2	75.1	25.6	50.4	49.5	0.034
3	M3	75.3	24.8	50.1	50.5	0.033
Giá trị trung bình / Average value:						
Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021 Hanoi, 15 / 11 / 2021						
Người thí nghiệm Tested by	Phòng NC PCC Dept. of fire safety engineering	Phòng Tổng hợp General Dept.	Viện Chuyên ngành Kết cấu Công trình Xây dựng - IBS			
						
Đào Duy Anh	Nguyễn Trung Kiên	Nguyễn Phương Tùng	Hoàng Anh Giang			
Lưu ý về phạm vi áp dụng / Field of application: 1- Mẫu thử và thông tin về mẫu thử do khách hàng cung cấp / Sample and sample information are prepared and delivered to the Laboratory by the Client. 2- Các kết quả thí nghiệm chỉ cho biết ứng xử của mẫu vật liệu trong những điều kiện thí nghiệm và chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Việc đánh giá mức độ nguy hiểm cháy của loại sản phẩm này cần căn cứ vào những chỉ tiêu cụ thể theo yêu cầu sử dụng, không chỉ căn cứ hoàn toàn vào những kết quả thử / The test results relate to the behaviour of the test specimens of a product under the particular conditions of the test and valid only for specimens supplied by the Client; they are not intended to be the sole criterion for assessing the potential fire hazard of the product in use.						

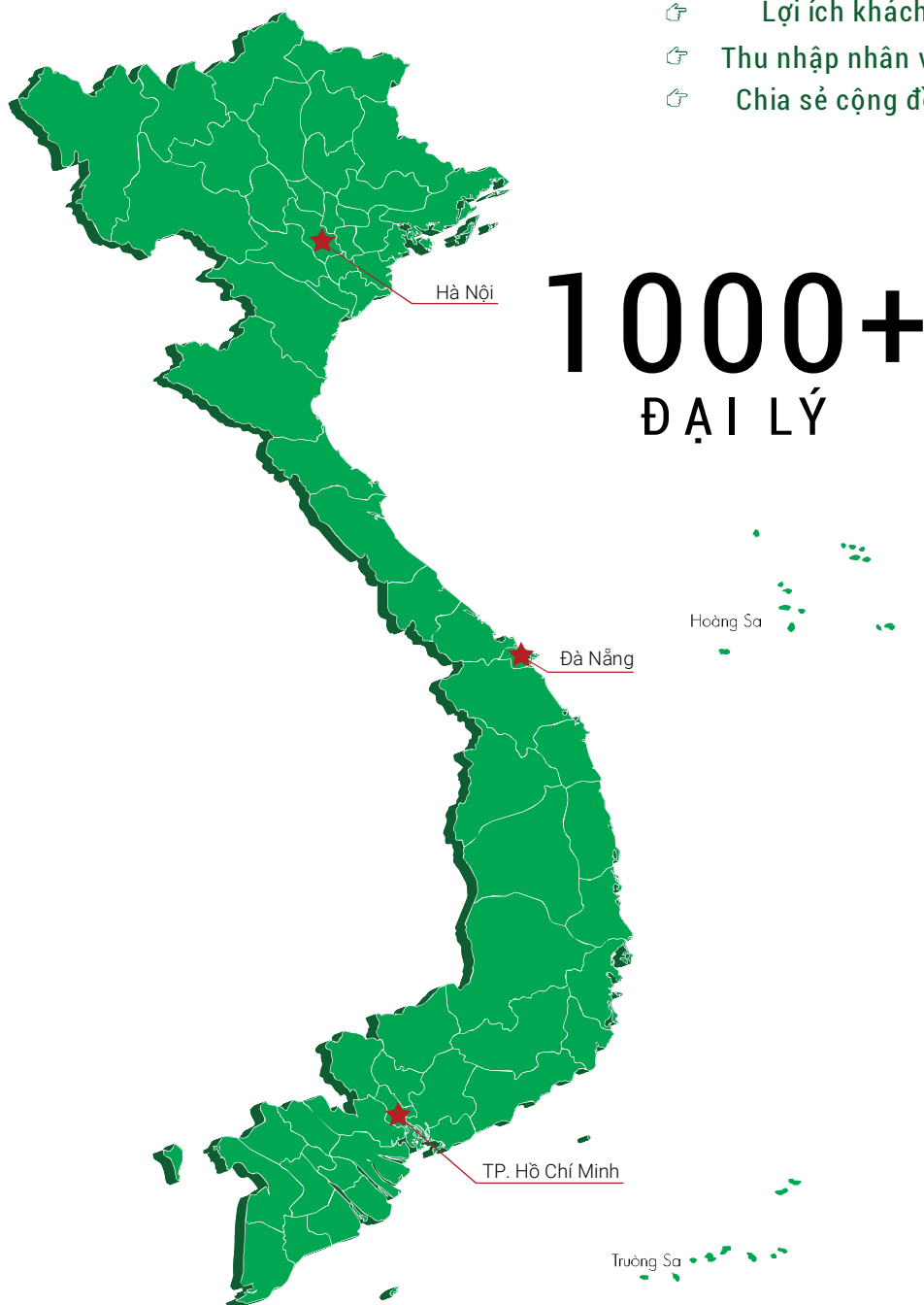
GIẤY KIỂM ĐỊNH - CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG



“ HỆ THỐNG CHI NHÁNH PHÂN PHỐI - BÁN LẺ LÀ NỀN TẢNG ĐỂ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC “MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN” CỦA PHÚ SƠN. ”

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- ☞ Chất lượng sản phẩm là trọng tâm
- ☞ Lợi ích khách hàng là then chốt
- ☞ Thu nhập nhân viên là trách nhiệm
- ☞ Chia sẻ cộng đồng là trách nhiệm



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP PHÚ SƠN

Tel: 0243.562.5971 * Fax: 0243.562.5972

Nhà máy sản xuất: Lô 7 CN5, CCN Ngọc Hồi - X. Ngọc Hồi - H. Thanh Trì - TP. Hà Nội.

Chi nhánh Phú Sơn: Số 181 đường Hùng Vương - TP. Sao Đỏ - H. Chí Linh - T. Hải Dương.

PKD Hoàng Mai : Ô 35, Lô N03 KĐT Đồng Tàu - P. Thịnh Liệt - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội.

PKD Ngọc Hồi : Lô 7 CN5, CCN Ngọc Hồi - X. Ngọc Hồi - H. Thanh Trì - TP. Hà Nội.

Email: javtasteel@gmail.com

Website: www.panelphuson.vn www.javta.vn